# B 90 R CONFIGURED

Máy chà sàn sấy khô ngồi lái chạy bằng ắc quy. Cấu trúc nhỏ gọn, độ linh hoạt cao và thể tích thùng chứa lớn, là một giải pháp cho các máy đẩy bộ lớ. Dựa vào các phiên bản thiết kế, phiên bản này có cấu hình đặc biệt dựa theo mong muốn của khách hàng: thiết bị, đầu bàn chà và chổi được tạo thành từ các công trình cũ. Đầu bàn chà và đầu con lăn thế hệ mới nên chiều rộng làm việc có đủ điều kiện từ 55 - 75 cm.



Made in Germany

EASY-Operation

FACT

CONFIGURABLE

| Mã đặt hàng | 1.161-000.2 |
|---|---|

## Thông số kỹ thuật

| | | |
|---|---|---|
| | | 4039784398665 |
| **Loại truyền động** | | Pin Ắc-quy |
| **Động cơ dẫn động** | | Động cơ dẫn động |
| **Bề rộng vận hành của bàn chải** | mm | 550 – 750 |
| **Bề rộng vận hành thanh hút** | mm | 850 – 940 |
| **Bình nước sạch/bẩn** | l | 90 / 90 |
| **Hộc chứa rác** | l | 7 |
| **Hiệu suất diện tích lý thuyết** | m²/h | 3300 |
| **Hiệu suất diện tích thực tế** | m²/h | 2475 |
| **Pin Ắc-quy** | V | 24 |
| **Thời gian sử dụng pin** | h | Tối đa 3,5 |
| **Áp lực tiếp xúc của bàn chải** | Kg | 28 – 37 |
| **Mức tiêu thụ nước** | l/min | 2,5 |
| **Độ ồn** | dB(A) | 69 |
| **Công suất** | W | 2200 |
| **Tổng trọng lượng cho phép** | Kg | 460 |
| **Kích thước (D × R × C)** | mm | 1450 × 800 × 1200 |

**Thiết bị cần được tư vấn chuyên sâu**

## Thiết bị

**Bộ truyền động dạng kéo**

**Ngắt nước tự động**

**Hệ thống bình kép**






### Máy tùy chỉnh

- Lựa chọn một số cấu hình khác nhau: từ kinh tế cơ bản đến hệ thống Dose đầy đủ.
- Chọn 1 trong 3 mức làm việc theo chiều rộng, thanh hút thẳng hoặc cong đều có thể dùng.

### Kỹ thuật chà sàn khác nhau.

- Đĩa làm sạch, đặc biệt là có thể sử dụng trên các bề mặt nhẵn.
- Đối với sàn thảm hoặc bụi bẩn cực kỳ cứng đầu, chổi lăn cung cấp nhiều lợi ích hơn. Chúng có thể chà và quét trong cùng 1 hành động.

### Ắc quy được đặt dưới ghế.

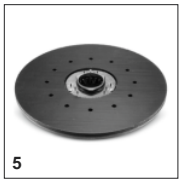
- Chế độ WHISPER giúp giảm mức tiêu thụ điện và kéo dài thời gian vận hành.
- Để nạp nguồn pin, chỉ cần xếp lại ghế.

B 90 R configured, 1.161-000.2, 2026-10-30

# PHỤ KIỆN CHO B 90 R CONFIGURED
# 1.161-000.2

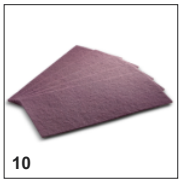

1–3


4


5


6–8


9


10


11, 14, 17


12, 15, 18


13, 16, 19

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **ĐỆM ĐĨA/ BẢNG DẪN ĐỘNG ĐỆM** | | | | |
| **Đệm vi sợi** | | | | |
| Miếng pad Microfibre, Trắng, 280 mm, 5 Unit | 1 | 6.369-120.0 | Bộ miếng pad Microfibre: năm miếng màu trắng có đường kính 280 mm với lỗ chính giữa và khả năng làm sạch vượt trội. Làm sạch ngay cả gạch đá mịn xuống đến hạt. Thích hợp cho D 55, ví dụ: | ☐ |
| Miếng pad Microfibre, Trắng, 381 mm, 5 Unit | 2 | 6.371-078.0 | 5 miếng pad Microfibre, màu trắng có lỗ ở giữa, đường kính 381 mm. Sức mạnh làm sạch tuyệt vời. Đồng thời làm sạch hiệu quả gạch đá mỹ nghệ. Thích hợp cho, ví dụ: D 75, BD 75/140 R và BD 40/25 C. | ☐ |
| Miếng pad Microfibre, Trắng, 356 mm, 5 Unit | 3 | 6.369-959.0 | 5 miếng pad Microfibre, màu trắng có lỗ ở giữa, đường kính 356 mm. Sức mạnh làm sạch tuyệt vời. Đồng thời làm sạch hiệu quả gạch đá mỹ nghệ. Thích hợp cho, ví dụ: D 65. | ☐ |
| | 4 | 6.905-060.0 | | ☐ |
| **Bảng dẫn động đệm** | | | | |
| Bo mạch ổ đĩa STRONG, 335 mm | 5 | 4.762-590.0 | Bắt buộc để sử dụng miếng pad melamine, nhưng cũng có thể được sử dụng cho miếng pad thông thường. Bảng ổ đĩa pad với nhiều móc phụ để giữ miếng pad. Giữ miếng pad cực kỳ chắc chắn ở bảng ổ đĩa pad của đầu làm sạch D 65. 2 pc. cần thiết. | ☐ |
| Bảng ổ đĩa pad, 375 mm | 6 | 4.762-447.0 | Tấm điều khiển pad để làm sạch bằng miếng pad, đường kính 335 mm. Với khớp nối thay đổi nhanh chóng, tấm móc và khóa trung tâm. Thích hợp cho, ví dụ: D 75. | ☐ |
| Bảng ổ đĩa pad, 335 mm | 7 | 4.762-446.0 | Tấm điều khiển pad để làm sạch bằng miếng pad, đường kính 335 mm. Với khớp nối thay đổi nhanh chóng, tấm móc và khóa trung tâm. Thích hợp cho, ví dụ: D 65. | ☐ |
| Bảng ổ đĩa pad, 280 mm | 8 | 4.762-445.0 | Tấm điều khiển pad để làm sạch bằng tấm lót, đường kính 280 mm. Với khớp nối thay đổi nhanh chóng, tấm móc và khóa trung tâm. Thích hợp cho, ví dụ: D 55. | ☐ |
| **Đệm** | | | | |
| Pad, mềm trung bình, Đỏ, 650 mm, 5 Unit | 9 | 6.371-000.0 | Miếng pad cứng trung bình (650 × 300 mm) phiên bản màu đỏ dùng để lau sàn nhà kết hợp với đầu S 65. | ☐ |
| Pad, Cứng, Nâu, 650 mm, 5 Unit | 10 | 4.642-025.0 | Miếng pad cứng, màu nâu (650 × 300 mm) bao gồm dây buộc Velcro. Để phục hồi độ bóng kết hợp với đầu S 65. Chỉ dành cho các bề mặt không nhạy cảm. | ☐ |
| Pad, mềm trung bình, Đỏ, 381 mm, 5 Unit | 11 | 6.369-791.0 | 5 miếng pad, mềm vừa, màu đỏ, đường kính 381 mm. Để làm sạch tất cả các sàn. Thích hợp cho, ví dụ: D 75. | ☐ |
| Pad, cứng trung bình, Xanh lá, 381 mm, 5 Unit | 12 | 6.369-790.0 | 5 miếng pad, cứng trung bình, màu xanh lục, đường kính 457 mm. Để loại bỏ bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản. Thích hợp cho, ví dụ: D 75. | ☐ |
| Pad, Cứng, Đen, 381 mm, 5 Unit | 13 | 6.369-789.0 | 5 miếng pad, cứng, màu đen, đường kính 381 mm. Để loại bỏ bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản. Thích hợp cho, ví dụ: D 75. | ☐ |
| Pad, mềm trung bình, Đỏ, 356 mm, 5 Unit | 14 | 6.369-003.0 | 5 miếng pad, mềm vừa, màu đỏ, đường kính 356 mm. Để làm sạch tất cả các sàn. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

KÄRCHER

# PHỤ KIỆN CHO B 90 R CONFIGURED
# 1.161-000.2


12, 15, 18


13, 16, 19


11, 14, 17


20–21


22, 25, 28


23, 26, 29


24, 27, 30

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **ĐỆM ĐĨA/ BĂNG DÁN ĐỘNG ĐỆM** | | | | |
| **Đệm** | | | | |
| Pad, cứng trung bình, Xanh lá, 356 mm, 5 Unit | 15 | 6.369-002.0 | 5 miếng pad, cứng trung bình, màu xanh lục. Đường kính 356 mm. Để loại bỏ bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản. Thích hợp cho, ví dụ: D 65. | ☐ |
| Pad, Cứng, Đen, 356 mm, 5 Unit | 16 | 6.369-001.0 | 5 miếng pad, cứng, màu đen, đường kính 356 mm. Để loại bỏ bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản. Thích hợp cho, ví dụ: D 65. | ☐ |
| Pad, mềm trung bình, Đỏ, 280 mm, 5 Unit | 17 | 6.371-153.0 | 5 miếng pad, mềm vừa, màu đỏ, đường kính 280 mm. Để làm sạch tất cả các sàn. Thích hợp cho, ví dụ: D 55. | ☐ |
| Pad, cứng trung bình, Xanh lá, 280 mm, 5 Unit | 18 | 6.371-154.0 | 5 miếng pad, cứng trung bình, màu xanh lục. Đường kính 280 mm. Để loại bỏ bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản. Thích hợp cho, ví dụ: D 55. | ☐ |
| Pad, Cứng, Đen, 280 mm, 5 Unit | 19 | 6.371-155.0 | 5 miếng pad, cứng, màu đen, đường kính 280 mm. Để loại bỏ bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản. Thích hợp cho, ví dụ: D 55. | ☐ |
| **Pad kim cương** | | | | |
| Diamond pad green set 2x Ø356 14", Mềm, Xanh lá, 356 mm, 2 Unit | 20 | 6.944-026.0 | | ☐ |
| Diamond pad green set 2x Ø381 15", Mềm, Xanh lá, 381 mm, 2 Unit | 21 | 6.944-027.0 | | ☐ |
| Miếng kim cương, Thô, Trắng, 385 mm, 5 Unit | 22 | 6.371-252.0 | Để làm sạch / phục hồi thô. Loại bỏ các vết xước nhỏ, cho bề mặt sạch, bóng mịn. Để chuẩn bị bề mặt trước khi sử dụng miếng pad màu vàng. Cũng thích hợp như một tấm kết tinh cho quá trình kết tinh cơ bản. | ☐ |
| Miếng kim cương, trung bình, Vàng, 385 mm, 5 Unit | 23 | 6.371-253.0 | Để làm sạch / phục hồi thô. Loại bỏ các vết xước nhỏ để có bề mặt đồng nhất và sáng bóng hơn. Để chuẩn bị bề mặt trước khi sử dụng miếng kim cương xanh. Cũng thích hợp như một tấm kết tinh để kết tinh có độ bóng cao. | ☐ |
| Miếng kim cương, Mềm, Xanh lá, 385 mm, 5 Unit | 24 | 6.371-236.0 | Để dễ dàng đánh bóng sàn nhiều lớp, đá mài và bề mặt đá tự nhiên. Để vệ sinh bảo dưỡng sau khi sử dụng miếng lót màu trắng và vàng. Là một tấm kết tinh để kết tinh có độ bóng cao. | ☐ |
| Miếng kim cương, Thô, Trắng, 356 mm, 5 Unit | 25 | 6.371-250.0 | Để làm sạch / phục hồi thô. Loại bỏ các vết xước nhỏ, cho bề mặt sạch, bóng mịn. Để chuẩn bị bề mặt trước khi sử dụng miếng pad màu vàng. Cũng thích hợp như một tấm kết tinh cho quá trình kết tinh cơ bản. | ☐ |
| Miếng kim cương, trung bình, Vàng, 356 mm, 5 Unit | 26 | 6.371-251.0 | Để làm sạch / phục hồi thô. Loại bỏ các vết xước nhỏ để có bề mặt đồng nhất và sáng bóng hơn. Để chuẩn bị bề mặt trước khi sử dụng miếng kim cương xanh. Cũng thích hợp như một tấm kết tinh để kết tinh có độ bóng cao. | ☐ |
| Miếng kim cương, Mềm, Xanh lá, 356 mm, 5 Unit | 27 | 6.371-235.0 | Để dễ dàng đánh bóng sàn nhiều lớp, đá mài và bề mặt đá tự nhiên. Để vệ sinh bảo dưỡng sau khi sử dụng miếng lót màu trắng và vàng. Là một tấm kết tinh để kết tinh có độ bóng cao. | ☐ |
| Miếng kim cương, Thô, Trắng, 280 mm, 5 Unit | 28 | 6.371-246.0 | Để làm sạch / phục hồi thô. Loại bỏ các vết xước nhỏ, cho bề mặt sạch, bóng mịn. Để chuẩn bị bề mặt trước khi sử dụng miếng pad màu vàng. Cũng thích hợp như một tấm kết tinh cho quá trình kết tinh cơ bản. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO B 90 R CONFIGURED
# 1.161-000.2


23, 26, 29


24, 27, 30


31–32


33–34


35–36


37–39, 43


40, 44


41


42, 45

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **ĐỆM ĐĨA/ BĂNG DÁN ĐỘNG ĐỆM** | | | | |
| **Pad kim cương** | | | | |
| Miếng kim cương, trung bình, Vàng, 280 mm, 5 Unit | 29 | 6.371-247.0 | Để làm sạch / phục hồi thô. Loại bỏ các vết xước nhỏ để có bề mặt đồng nhất và sáng bóng hơn. Để chuẩn bị bề mặt trước khi sử dụng miếng kim cương xanh. | ☐ |
| Miếng kim cương, Mềm, Xanh lá, 280 mm, 5 Unit | 30 | 6.371-233.0 | Để dễ dàng đánh bóng sàn nhiều lớp, đá mài và bề mặt đá tự nhiên. Để vệ sinh bảo dưỡng sau khi sử dụng miếng lót màu trắng và vàng. Là một tấm kết tinh để kết tinh có độ bóng cao. | ☐ |
| **Pads melamine** | | | | |
| Pad Mê-la-min, 381 mm, 2 Unit | 31 | 6.371-022.0 | Bộ pad Melamine có đường kính 381 mm dùng cho máy chà sàn liên hợp BD 80 W của chúng tôi và các máy khác có đầu bàn chải đĩa D 75. Để làm sạch hiệu quả các bề mặt vi xốp. | ☐ |
| Pad Mê-la-min, 356 mm, 2 Unit | 32 | 6.371-021.0 | Bộ pad Melamine với đường kính 356 mm cho máy chà sàn liên hợp B 60 W, B 80 W, B 95 RS và B 90 R của chúng tôi với đầu bàn chải đĩa D 65 của chúng tôi. Để làm sạch hiệu quả các bề mặt vi xốp. | ☐ |
| **THANH HÚT VÀ CHỔI CAO SU** | | | | |
| **Chổi cao su, hoàn chỉnh** | | | | |
| Chổi cao su chữ V, 1000 mm, hình V | 33 | 4.777-080.0 | Thích hợp cho tất cả các loại sàn thông thường và có đặc tính trượt rất tốt trên các kẽ hở: chổi gạt hình chữ V dài 1.000 mm và môi hút được làm từ polyurethane chống mài mòn với tuổi thọ cao. | ☐ |
| Chổi cao su chữ V, 900 mm, hình V | 34 | 4.777-079.0 | Dài 900 mm, khung gạt chữ V với đầu hút làm từ polyurethane chịu mài mòn và chịu dầu với tuổi thọ lâu dài và cho tất cả các tầng. Với mức độ để điều chỉnh chính xác. | ☐ |
| Chổi cao su, thẳng, 940 mm, thẳng | 35 | 4.777-402.0 | Chổi thẳng được gắn con lăn hỗ trợ, 940mm. Chổi được làm từ nhựa polyurethane cứng, có rãnh và khả năng chống dầu, phù hợp cho mọi loại sàn tiêu chuẩn. Trọng lượng được thêm vào để đảm bảo áp suất tiếp xúc đồng bộ. | ☐ |
| Chổi cao su, thẳng, 850 mm, thẳng | 36 | 4.777-401.0 | Thẳng, có con lăn hỗ trợ. Chổi được chế tạo từ polyurethane trong suốt, chống dầu. | ☐ |
| **Chổi cao su cho thanh hút** | | | | |
| Lưỡi hút chữ V, Chống dầu, có rãnh, 1116 mm | 37 | 6.273-024.0 | Được thiết kế cho chổi cao su hình chữ V, dài 1.000 mm của chúng tôi, bộ đầu hút có rãnh này gây ấn tượng trên tất cả các tầng. Thiết kế chống dầu, chất lượng cao được làm từ polyurethane bền. | ☐ |
| Lưỡi hút chữ V, Chống dầu, có rãnh, 1010 mm | 38 | 6.273-023.0 | Bộ phận lưỡi hút, có rãnh và được phát triển cho các dao gạt hình chữ V dài 900 mm. Các môi hút được làm bằng polyurethane chống mài mòn và chống dầu và phù hợp với mọi loại sàn. | ☐ |
| Lưỡi hút, Chống dầu, có rãnh, 960 mm | 39 | 6.273-208.0 | Bộ lưỡi gạt bao gồm lưỡi gạt trước và sau, 960 mm. Lưỡi gạt có rãnh bằng polyurethane trong suốt, chịu dầu, bền. Đối với tất cả các sàn tiêu chuẩn. | ☐ |
| | 40 | 6.273-205.0 | Bộ lưỡi gạt bao gồm lưỡi gạt trước và sau, 960 mm. Lưỡi gạt có rãnh bằng polyurethane trong suốt, chịu dầu, bền. Đối với sàn nhạy cảm. | ☐ |
| Lưỡi hút, Chống dầu, kín, 960 mm | 41 | 6.273-291.0 | Khép kín, chịu dầu, dành cho sàn có kết cấu. | ☐ |
| Lưỡi hút, 960 mm | 42 | 6.273-214.0 | Bộ lưỡi gạt bao gồm lưỡi gạt trước và sau, 960 mm. Lưỡi gạt cao su tự nhiên mềm có rãnh. Đối với tất cả các sàn tiêu chuẩn. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

KÄRCHER

# PHỤ KIỆN CHO B 90 R CONFIGURED
# 1.161-000.2


37–39, 43


40, 44


42, 45


46

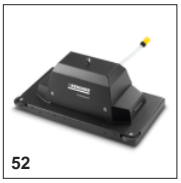

47


48


49


50


51


52


53


54


55, 59, 64


56, 61

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **THANH HÚT VÀ CHỔI CAO SU** | | | | |
| **Chổi cao su cho thanh hút** | | | | |
| Rubber lip set oil resistant BR-BD530,55, Chống dầu, có rãnh, 890 mm | 43 | 6.273-207.0 | Bộ lưỡi gạt bao gồm lưỡi gạt trước và sau, 870 mm. Lưỡi gạt có rãnh bằng polyurethane trong suốt, chịu dầu, bền. Đối với tất cả các sàn tiêu chuẩn. | ☐ |
| Lưỡi hút, Chống dầu, có rãnh, 890 mm | 44 | 6.273-229.0 | Bộ lưỡi gạt bao gồm lưỡi gạt trước và sau, 870 mm. Lưỡi gạt có rãnh bằng polyurethane trong suốt, chịu dầu, bền. Đối với sàn nhạy cảm. | ☐ |
| Rubber lip set standard, 890 mm | 45 | 6.273-213.0 | Bộ lưỡi gạt bao gồm lưỡi gạt trước và sau, 870 mm. Lưỡi gạt cao su tự nhiên mềm có rãnh. Đối với tất cả các sàn tiêu chuẩn. | ☐ |
| **ĐẦU BÀN CHẢI** | | | | |
| Đầu bàn chải R 75 S | 46 | 2.763-006.0 | Đầu chổi được gắn hai con lăn, có độ rộng 75cm. Có thể thay chổi mà không cần dụng cụ. Có thể điều chỉnh độ cao của tấm chắn. Do đó, mực nước cần giữ dưới đầu chổi. Cần làm sạch chổi cũng như trong vòng quay. Đầu chổi cần được gói tách biệt. | ☐ |
| Đầu bàn chải R 65 S | 47 | 2.763-004.0 | Đầu chổi được gắn hai con lăn, có độ rộng 65cm. Có thể thay chổi mà không cần dụng cụ. Có thể điều chỉnh độ cao của tấm chắn. Do đó, mực nước cần giữ dưới đầu chổi. Cần làm sạch chổi cũng như trong vòng quay. Đầu chổi cần được gói tách biệt. | ☐ |
| Đầu bàn chải R 55 S | 48 | 2.763-002.0 | Đầu chổi được gắn hai con lăn, rộng 55cm. Có thể thay chổi mà không cần dụng cụ. Có thể điều chỉnh độ cao của tấm chắn. Do đó, mực nước cần giữ ở dưới đầu chổi. Cần làm sạch chổi cũng như trong vòng quay. Đầu chổi cần được gói tách biệt. | ☐ |
| Đầu bàn chải D 75 S | 49 | 2.763-005.0 | Đầu chổi được gắn hai đĩa giúp chải nhanh, có độ rộng 75cm. Có thể điều chỉnh độ cao của tấm chắn. Do đó mực nước nên dưới đầu chổi. Cần làm sạch chổi cũng như trong vòng quay. Đầu chổi cần được gói tách biệt. | ☐ |
| Đầu bàn chải D 65 S | 50 | 2.763-003.0 | Đầu chổi được gắn hai đĩa giúp chải nhanh, có độ rộng 65cm. Có thể điều chỉnh độ cao của tấm chắn. Do đó mực nước nên dưới đầu chổi. Cần làm sạch chổi cũng như trong vòng quay. Đầu chổi cần được gói tách biệt. | ☐ |
| Đầu bàn chải D 55 S | 51 | 2.763-001.0 | Đầu chổi được gắn hai đĩa chải có thể thay đổi bàn chải nhanh chóng, rộng 55cm. Có thể điều chỉnh độ cao của tấm chắn. Do đó mực nước nên dưới đầu chổi. Cần làm sạch chổi cũng như trong vòng quay. Đầu chổi cần được gói tách biệt. | ☐ |
| Đầu hút sàn S 65 | 52 | 2.763-030.0 | Đầu sàn có miếng pad để phục hồi độ sáng bóng trên sàn cứng và đàn hồi. Áp lực tiếp xúc không đổi trên toàn bộ bề mặt tấm đệm. Đồng thời làm sạch các cạnh và trong các góc. | ☐ |
| Bộ nối S 65 | 53 | 4.036-061.0 | Bộ dụng cụ để kết nối đầu hút sàn S 65 với B 90 R. | ☐ |
| **BÀN CHẢI LĂN CHO BR** | | | | |
| Roller brush red for replacement – R75, trung bình, Đỏ, 700 mm | 54 | 4.035-578.0 | | ☐ |
| Roller brush white – R75, Mềm mại, Trắng, 700 mm | 55 | 6.907-729.0 | | ☐ |
| Bàn chải con lăn cam – R75, cao/thấp, Cam, 700 mm | 56 | 6.907-730.0 | Chổi lăn màu cam với cấu trúc high-low để làm sạch đặc biệt hiệu quả các lớp phủ có kết cấu. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO B 90 R CONFIGURED
# 1.161-000.2


57, 62, 67


58, 63


55, 59, 64


60, 65


56, 61


66


68


69, 73


70, 74, 78

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **BÀN CHẢI LĂN CHO BR** | | | | |
| Bàn chải con lăn xanh lá – R75, Cứng, Xanh lá, 700 mm | 57 | 6.907-731.0 | Bàn chải lăn màu xanh lá cây, mài mòn để làm sạch sâu và loại bỏ bụi bẩn bám dính. | ☐ |
| Bàn chải con lăn đen – R75, rất cứng, Đen, 700 mm | 58 | 6.907-732.0 | Bàn chải lăn màu đen, rất mài mòn để làm sạch sâu các lớp phủ sàn cứng với bụi bẩn bám dính. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, Mềm mại, Trắng, 638 mm | 59 | 6.906-981.0 | Bàn chải con lăn, rất mềm, màu trắng. Chiều dài: 638 mm Với cơ cấu bánh xe hình sao chống mài mòn. Để làm sạch sàn nhạy cảm và đánh bóng. Lông vũ: Polyamit, dày 0,3 mm, dài 20 mm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, trung bình, Đỏ, 638 mm | 60 | 4.035-187.0 | Bàn chải con lăn, độ cứng trung bình, màu đỏ. Chiều dài: 638 mm Với cơ cấu bánh xe hình sao chống mài mòn. Để sử dụng bình thường. Lông: Polypropylene, dày 0,5 mm, dài 20 mm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, cao/thấp, Cam, 638 mm | 61 | 6.906-982.0 | Bàn chải lăn, cao / thấp, độ cứng trung bình, màu cam. Chiều dài: 638 mm Với cơ cấu bánh xe hình sao chống mài mòn. Để làm sạch sàn có cấu trúc nặng và các đường nứt sâu. Lông tơ: Polyamit, dày 0,6 mm, dài 15-20 mm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, Cứng, Xanh lá, 638 mm | 62 | 6.906-983.0 | Bàn chải con lăn, cứng, màu xanh lá cây. Chiều dài: 638 mm. Cơ cấu bánh xe hình sao chống mài mòn. Đối với sàn bị bẩn nhiều và làm sạch cơ bản. Lông: Polyamit với cacbua silic, dày 0,6 mm, dài 20 mm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, rất cứng, Đen, 638 mm | 63 | 6.906-984.0 | Rất cứng, đối với chất bẩn cực kỳ dính và để làm sạch sâu, chỉ đối với các bề mặt không nhạy cảm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, Mềm mại, Trắng, 532 mm | 64 | 6.906-977.0 | Bàn chải con lăn, rất mềm, màu trắng. Chiều dài: 532 mm Với cơ chế bánh xe hình sao chống mài mòn. Để làm sạch sàn nhạy cảm và đánh bóng. Lông vũ: Polyamit, dày 0,3 mm, dài 20 mm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, trung bình, Đỏ, 532 mm | 65 | 4.035-193.0 | Độ cứng trung bình, cho tất cả các loại sàn. Tiêu chuẩn với R 55. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, cao/thấp, Cam, 532 mm | 66 | 6.906-978.0 | Bàn chải con lăn, cao / thấp, độ cứng trung bình, màu cam. Chiều dài: 532 mm Với cơ chế bánh xe hình sao chống mài mòn. Để làm sạch sàn có cấu trúc nặng và các đường nứt sâu. Lông tơ: Polyamit, dày 0,6 mm, dài 15-20 mm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, Cứng, Xanh lá, 532 mm | 67 | 6.906-979.0 | Bàn chải con lăn, cứng, màu xanh lá cây. Chiều dài: 532 mm. Cơ cấu bánh xe hình sao chống mài mòn. Đối với sàn bị bẩn nhiều và làm sạch cơ bản. Lông: Polyamit với cacbua silic, dày 0,6 mm, dài 20 mm. | ☐ |
| Bàn chải con lăn, rất cứng, Đen, 532 mm | 68 | 6.906-980.0 | Rất cứng, đối với chất bẩn cực kỳ dính và để làm sạch sâu, chỉ đối với các bề mặt không nhạy cảm. | ☐ |
| **BÀN CHẢI ĐĨA CHO BD** | | | | |
| Bàn chải đĩa, rất mềm, Trắng, 385 mm | 69 | 4.905-019.0 | Rất mềm, để làm sạch các bề mặt nhạy cảm và để đánh bóng. | ☐ |
| Bàn chải đĩa, Mềm mại, Trắng tự nhiên, 385 mm | 70 | 4.905-020.0 | Làm bằng sợi tự nhiên, để làm sạch bằng phun và để đánh bóng. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO B 90 R CONFIGURED
# 1.161-000.2


71, 75, 79


72, 76


69, 73


70, 74, 78


77


81


82


83


84

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **BÀN CHẢI ĐĨA CHO BD** | | | | |
| Bàn chải đĩa, trung bình, Đỏ, 385 mm | 71 | 4.905-018.0 | Chổi đĩa cứng trung bình (385 mm) phiên bản màu đỏ cho tất cả các ứng dụng làm sạch thông thường. Cũng thích hợp cho các sàn nhạy cảm. | ☐ |
| Bàn chải đĩa, Cứng, Đen, 385 mm | 72 | 4.905-021.0 | Bàn chải đĩa, cứng, màu đen, đường kính 385 mm. Đối với bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản. Chỉ dành cho sàn cách điện. Lông: Grit Tynex 180, dày 1mm, dài 41mm. | ☐ |
| Bàn chải đĩa, rất mềm, Trắng, 355 mm | 73 | 4.905-011.0 | Rất mềm, để làm sạch các bề mặt nhạy cảm và để đánh bóng. | ☐ |
| Bàn chải đĩa, Mềm mại, Trắng tự nhiên, 355 mm | 74 | 4.905-012.0 | Làm bằng sợi tự nhiên, để làm sạch bằng phun và để đánh bóng. | ☐ |
| Bàn chải đĩa, trung bình, Đỏ, 355 mm | 75 | 4.905-010.0 | Bàn chải đĩa, cứng vừa, màu đỏ, đường kính 355 mm. Để sử dụng bình thường. Cũng thích hợp cho các sàn nhạy cảm. Lông: Polypropylene, dày 0,6 mm, dài 40 mm. | ☐ |
| Bàn chải đĩa, Cứng, Đen, 355 mm | 76 | 4.905-013.0 | Bàn chải đĩa, cứng, màu đen, đường kính 355 mm. Đối với bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản. Chỉ dành cho sàn cách điện. Lông: Grit Tynex 180, dày 1mm, dài 41mm. | ☐ |
| Bàn chải đĩa, rất mềm, Trắng, 300 mm | 77 | 4.905-015.0 | Để làm sạch sàn nhạy cảm và đánh bóng. | ☐ |
| Bàn chải đĩa, Mềm mại, Trắng tự nhiên, 300 mm | 78 | 4.905-016.0 | Làm bằng sợi tự nhiên, để làm sạch bằng phun và để đánh bóng. Phù hợp với D 55. | ☐ |
| Bàn chải đĩa, trung bình, Đỏ, 300 mm | 79 | 4.905-014.0 | Bàn chải đĩa, cứng vừa, màu đỏ, đường kính 300 mm. Để sử dụng bình thường. Cũng thích hợp cho các sàn nhạy cảm. Lông: Polypropylene, dày 0,6 mm, dài 40 mm. | ☐ |
| Bàn chải đĩa, Cứng, Đen, 300 mm | 80 | 4.905-017.0 | Bàn chải đĩa, cứng, màu đen, đường kính 300 mm. Đối với bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản. Chỉ dành cho sàn cách điện. Lông: Grit Tynex 180, dày 1mm, dài 41mm. | ☐ |
| **BỘ DỤNG CỤ** | | | | |
| **Fleet mounting kit** | | | | |
| Add-on kit | 81 | 2.644-391.0 | | ☐ |
| **Lighting/RKL mounting kit** | | | | |
| Đèn hiệu nhấp nháy | 82 | 2.641-718.0 | Tăng sự an toàn của môi trường làm việc. | ☐ |
| **Bộ phụ tùng khác** | | | | |
| Máy đẩy con lăn cản xếp chồng lên nhau SB | 83 | 4.035-619.0 | Con lăn cản bổ sung, không đánh dấu để lắp ráp ở các đầu của chổi cao su. Ngăn chặn hiệu quả chổi cao su móc vào pallet hoặc chân kệ. | ☐ |
| Tự động làm đầy | 84 | 2.641-748.0 | Hệ thống chiết rót tự động. Cấp nước tự động ngừng khi các bồn chứa đầy. Với tràn an toàn. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO B 90 R CONFIGURED
# 1.161-000.2


85


86, 88


87


89


90


91–93


94


95


96


97

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **BỘ DỤNG CỤ** | | | | |
| **Bộ phụ tùng khác** | | | | |
| Phụ kiện ống hút | 85 | 4.444-015.0 | Để hút nước ra khỏi các góc hoặc thùng chứa (ví dụ: tủ đông). | ☐ |
| **ĐỆM CON LĂN / TRỤC ĐỆM CON LĂN** | | | | |
| **Trục đệm con lăn** | | | | |
| Pad con lăn – R75, 700 mm | 86 | 4.762-627.0 | Trục con lăn đệm bằng nhôm thích hợp để giữ các tấm đệm con lăn hoặc con lăn sợi nhỏ. | ☐ |
| Trục con lăn, 638 mm | 87 | 4.762-433.0 | Trục con lăn pad thích hợp để giữ miếng pad con lăn hoặc con lăn sợi nhỏ. | ☐ |
| Trục con lăn, 532 mm | 88 | 4.762-432.0 | | ☐ |
| **Đệm con lăn** | | | | |
| Con lăn pad, trung bình, Đỏ | 89 | 6.369-456.0 | Con lăn pad (x20), trung bình, màu đỏ. Để làm sạch sàn không cấu trúc. Thích hợp để sử dụng với trục con lăn pad thích hợp. Khoảng 7 đến 7,5 miếng pad được yêu cầu trên 10 cm chiều dài trục. | ☐ |
| Con lăn pad, Cứng, Xanh lá | 90 | 6.369-455.0 | Con lăn pad (x20), cứng, màu xanh lá cây. Để loại bỏ bụi bẩn cứng đầu và làm sạch cơ bản sàn không cấu trúc. Thích hợp để sử dụng với trục con lăn pad thích hợp. | ☐ |
| **Trục vi sợi** | | | | |
| Con lăn Microfibre, 700 mm | 91 | 4.114-007.0 | Đổi mới thế giới: ứng dụng con lăn Microfibre kết hợp các đặc tính làm sạch tuyệt vời của Microfibre với những lợi ích của công nghệ chổi lăn. Kết hợp với trục con lăn pad 4.762-434.0. Phù hợp với R 75. | ☐ |
| Con lăn Microfibre, 638 mm | 92 | 4.114-006.0 | Đổi mới thế giới: ứng dụng con lăn Microfibre kết hợp các đặc tính làm sạch tuyệt vời của Microfibre với những lợi ích của công nghệ chổi lăn. Kết hợp với trục con lăn pad 4.762-433.0. | ☐ |
| Con lăn Microfibre, 532 mm | 93 | 4.114-005.0 | Đổi mới thế giới: ứng dụng con lăn Microfibre kết hợp các đặc tính làm sạch tuyệt vời của Microfibre với những lợi ích của công nghệ chổi lăn. Kết hợp với trục con lăn pad 4.762-432.0. Phù hợp với R 55. | ☐ |
| **PHỤ KIỆN KHÁC CHO BR/ BD** | | | | |
| **Khác** | | | | |
| Ống chiết rót | 94 | 6.680-124.0 | Ống chiết rót 1.500 mm để dễ dàng đổ đầy thiết bị từ vòi nước. Với khớp nối côn phổ quát cho tất cả các vòi tiêu chuẩn. | ☐ |
| Bộ lọc bể nước bẩn | 95 | 6.414-976.0 | Cải thiện luồng không khí ngay cả khi bị ẩm nhờ vật liệu lọc đã được sửa đổi. | ☐ |
| **Bánh xe/lốp xe** | | | | |
| Bánh xe, không có gai | 96 | 6.435-386.0 | Chống dầu, giảm sự hình thành các vệt trên sàn nhà nhạy cảm. Tuổi thọ lâu dài. | ☐ |
| **Dosing aids** | | | | |
| Trạm định lượng chất làm sạch DS 3 | 97 | 2.641-811.0 | Sau khi kết nối với vòi, chất làm sạch có thể được đổ đầy vào bể nước ngọt và pha loãng theo yêu cầu. Cũng có thể được sử dụng với bộ phụ kiện hệ thống chiết rót. Bao gồm bộ ngăn dòng chảy ngược (DIN EN 1717). | ☐ |
| **PIN KÉO VÀ BỘ SẠC** | | | | |
| **Ắc quy** | | | | |
| Bộ pin, 24 V, 180 Ah, Bảo dưỡng thấp | 98 | 6.654-070.0 | Bộ pin bao gồm sáu pin 4 V và cáp kết nối | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng

# PHỤ KIỆN CHO B 90 R CONFIGURED
# 1.161-000.2


99–101


102


103

| | | Mã đặt hàng | | |
|---|---|---|---|---|
| **PIN KÉO VÀ BỘ SẠC** | | | | |
| **Bộ sạc ắc quy** | | | | |
| Sạc, 24 V | 99 | 6.654-072.0 | Đối với pin 6.654-070. Vui lòng đặt hàng thêm bộ điều hợp 6.648-582.0. | ☐ |
| | 100 | 6.654-078.0 | Đối với pin 6.654-124.0. | ☐ |
| | 101 | 6.654-180.0 | Để hoạt động với 100 – 230V. Đối với pin 6.654-124.0 (4 x) và 6.654-130.0. | ☐ |
| **ẮC QUY KÉO** | | | | |
| Pin | 102 | 6.654-119.0 | 4 yêu cầu. | ☐ |
| **ĐƠN VỊ PHUN** | | | | |
| Bình bơm xịt | 103 | 6.394-409.0 | Bình xịt dạng bơm 1 lít – bao gồm bơm và bình tích áp – dễ dàng, phun đều để làm sạch hoặc kết tinh. | ☐ |

☐ Phụ kiện đang có hàng